

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ . CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C
	Ngày: 15/01

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế phối hợp
trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Thủ tướng Chính phủ Quyết định về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 2. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và là Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2014.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ: V.I, QHQT, KTTH, TH, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b). 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-TTg

ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền, bao gồm cả việc thuê luật sư tư vấn, chuyên gia kỹ thuật, mời nhân chứng và cơ chế tài chính phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tranh chấp đầu tư quốc tế theo Quy chế này là tranh chấp phát sinh từ việc Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ, Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi chung là Chính phủ Việt Nam) hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức được cơ quan nhà nước ủy quyền quản lý nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước) dựa trên cơ sở:

a) Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư hoặc hiệp định thương mại hoặc điều ước quốc tế khác có quy định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên (sau đây gọi chung là hiệp định bảo hộ đầu tư), trong đó có quy định về việc giải quyết tranh chấp giữa Nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam tại trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền; hoặc

b) Hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có quy định cơ quan giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, thỏa thuận này là trọng tài quốc tế hoặc cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

2. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức hoặc cá nhân đáp ứng các tiêu chí về Nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Cơ quan bị kiện là cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đã ban hành, áp dụng biện pháp mà căn cứ vào đó Nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, là bị đơn trong vụ việc tranh chấp đó.

4. Cơ quan chủ trì là cơ quan đầu mối giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, được xác định theo Điều 5 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 6 Quy chế này.

5. Cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ là Bộ Tư pháp, có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 7 Quy chế này.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan là cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và được Cơ quan chủ trì mời hoặc yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể.

7. Tổ Công tác liên ngành là Tổ công tác làm nhiệm vụ tư vấn cho Cơ quan chủ trì trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, do Cơ quan chủ trì thành lập.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế chủ động, đồng bộ, chính xác, kịp thời, hiệu quả theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật Việt Nam để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ Việt Nam, cơ quan nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả phát sinh do không phối hợp hoặc phối hợp không đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ giữ bí mật Nhà nước, bí mật thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định tổ tụng giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể và quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Việc phối hợp giữa Cơ quan chủ trì và Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:

1. Giải quyết khiếu nại, tham vấn, thương lượng, hoà giải các bất đồng, mâu thuẫn với Nhà đầu tư nước ngoài.

2. Xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

3. Cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng cứ và tài liệu liên quan phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

4. Cử người có đủ năng lực của cơ quan, tổ chức mình tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế khi được Cơ quan chủ trì yêu cầu.

5. Thực hiện các công việc liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong giai đoạn tố tụng của trọng tài quốc tế hay cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

6. Thực hiện, phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài quốc tế hay của cơ quan tài phán nước ngoài có thẩm quyền.

Điều 5. Xác định Cơ quan chủ trì

1. Cơ quan chủ trì vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể là Cơ quan bị kiện, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 của Điều này.

Trong trường hợp có hai hoặc nhiều hơn hai cơ quan nhà nước của Việt Nam là Cơ quan bị kiện trong một vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế cụ thể, các cơ quan này phải thống nhất để một trong các cơ quan này là Cơ quan chủ trì. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bị kiện mà không thống nhất được Cơ quan chủ trì, các cơ quan này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Bộ Tư pháp. Thủ tướng Chính phủ quyết định Cơ quan chủ trì theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trên nguyên tắc Cơ quan chủ trì là cơ quan nhà nước có liên quan nhiều nhất và năng lực phù hợp nhất để giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đó.

2. Bộ Tư pháp là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh khi Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ Việt Nam trên cơ sở hiệp định bảo hộ đầu tư theo Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

3. Cơ quan nhà nước Việt Nam chủ trì đàm phán hoặc thay mặt Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Nhà đầu tư nước ngoài theo Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quy chế này là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận đó.